THỜI HẠN BẢO VỆ BMNN
Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 08 tháng 5 năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI
THANH TRA

Số: 02 /KL-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai

Thực hiện Quyết định số 110/QĐ-TT ngày 02/12/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường từ ngày 13/12/2024 đến ngày 23/01/2025, Đoàn Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 16/BC-ĐTT ngày 20/02/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI.

Địa chỉ trụ sở: 221B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600248086 chứng nhận lần đầu ngày 23/12/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 04/12/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Đại diện pháp luật: NGUYỄN CAO NHƠN; Giới tính: Nam; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quốc tịch: Việt Nam.

Thông tin về loại hình doanh nghiệp đang hoạt động, gồm: sản xuất thuốc và buôn bán thuốc, trên diện tích khoảng 7.734,2 m^2.

Tổng số lao động trực tiếp và gián tiếp tại thời điểm kiểm tra: 104 nhân sự.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH.

I. Lĩnh vực bảo vệ môi trường.

1. Về thủ tục pháp lý:

- Quyết định số 700/QĐ.QLMT ngày 31/12/1997 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Dược phẩm Đồng Nai.

- Quyết định số 81/QĐ-KHCNMT ngày 14/6/2002 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xưởng sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP- ASEAN. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm tra bộ hồ sơ kèm theo Quyết định số 81/QĐ-KHCNMT ngày 14/6/2002 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai đã bị thất lạc.

Công ty được Chi cục Bảo vệ Môi trường Đồng Nai (nay là Phòng Môi trường) cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 254/SĐK-STNMT ngày 24/04/2012, mã số QLCTNH 75.001281.T (cấp lần 2), tổng khối lượng cho 6 mã CTNH là 1.064 kg/năm.

2. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh:

2.1. Hạn mục công trình của Công ty:

a) Hạng mục công trình theo hồ sơ môi trường:

Theo Quyết định số 700/QĐ.QLMT ngày 31/12/1997 của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Nai đã thẩm định, đánh giá công tác bảo vệ môi trường, trong đó có các hạng mục chính, gồm:

- Khu A: khu vực sân, cổng bảo vệ có diện tích 1000 m^2.

- Khu B gồm: (1) Nhà 03 tầng (tầng 1 là Nhà xưởng sản xuất, tầng 2&3 là Văn phòng); (2) khu vực sân đất trống, tổng diện tích khu B là 4.524 m^2. Nhà 03 tầng nay được bố trí: tầng 1 là Nhà xưởng sản xuất; tầng 2 là Văn phòng và tầng 3 là Phòng Kiểm nghiệm.

- Khu C: khu vực Ao nước lớn và xưởng cơ khí có diện tích 1.856 m^2.

Theo Quyết định số 81/QĐ-KHCNMT ngày 14/6/2002 của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Nai đã thẩm định, đánh giá công tác bảo vệ môi trường, trong đó có các hạng mục chính: sử dụng 1.411 m^2 diện tích đất khu C để đầu tư xây dựng: Nhà xưởng GMP, Trạm điện, Trạm lạnh, Trạm xử lý nước thải, Xưởng cơ điện, Khu vực lưu giữ chất thải.

Hiện tại, Công ty đã di dời toàn bộ hoạt động sản xuất từ Nhà xưởng sản xuất (tầng 1) qua Nhà xưởng GMP, chuyển đổi công năng Nhà xưởng sản xuất (tầng 1) thành Nhà Kho.

b) Hiện trạng công trình nhà xưởng thực tế:

Hiện trạng các hạng mục công trình được thể hiện qua Bảng vẽ Mặt bằng tổng thể được Sở Xây dựng - Ban Quản lý dự án xây dựng DD.CN thẩm tra theo Báo cáo số 70 ngày 24/8/2007 (đính kèm Bảng vẽ Mặt bằng tổng thể) và Bảng vẽ Mặt bằng tổng thể TL 1/250 của công trình Nhà máy sản xuất Dược phẩm Đồng Nai đạt tiêu chuẩn GMP-WHO đã được hoàn công xây dựng ngày 16/7/2007 (hạng mục cấp thoát nước - Công nghệ) và được Sở Xây dựng - Ban

Quản lý dự án xây dựng DD.CN thẩm tra ngày 09/9/2005 (đính kèm Bảng vẽ Mặt bằng tổng thể TL 1/250).

Ngày 12/4/2004, UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 902704 số vào sổ T00039 QSDĐ/1117/QĐ.CT.UBT, diện tích sử dụng đất: 7.734,2 m^2.

Ngày 24/6/2009, Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 757312601400354 đối với Giấy phép xây đựng: Giấy phép xây dựng số 38/SXD ngày 23/9/2004, gồm; Nhà kho và văn phòng, kiểm nghiệm (03 tầng) 637,12 m^2; Nhà xưởng GMP (02 tầng) 1.411,2 m^2; Trạm xử lý nước thải 98,12 m^2; Bể nước ngầm 51,75 m^2; Các công trình phụ (Xưởng cơ điện, Kho vật liệu cháy nổ, Trạm lạnh, Trạm R.O, Trạm điện, Trạm biến thế) 161,5 m^2. Giấy phép xây dựng số 118/ SXD ngày 21/11/2007: Nhà kho thuốc 483,9 m^2. Giấy phép xây dựng số 213/SXD ngày 23/12/2008: Nhà bảo vệ + cổng tường rào 35,5 m^2.

Kiểm tra thực tế ghi nhận, Công ty có xây dựng thêm 01 Kho bao bì cấp 2 có diện tích 190 m^2 (bên cạnh Nhà kho và Văn phòng); có thay đổi vị trí khu vực lưu giữ chất thải: từ vị trí gần Xưởng cơ điện về khu vực gần Kho bao bì cấp 2; trong đó: khu lưu giữ CTNH tạm thời với diện tích khoảng 20 m^2; khu lưu giữ CTRCNTT với diện tích khoảng 20 m^2.

2.2. Sản phẩm, sản lượng thực tế năm 2023:

Các sản phẩm cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ yếu là:

- Thuốc thành phẩm dạng rắn, gồm: 89 mã loại sản phẩm với khối lượng khoảng 210,681 tấn/năm.

- Thuốc thành phẩm dạng lỏng, gồm: 07 mã loại sản phẩm với khối lượng khoảng 225,429 tấn/năm.

2.3. Quy trình công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (nguyên phụ liệu, dược chất, tá dược...) → Kiểm tra chất lượng đầu vào → Cân chia lẻ nguyên liệu → Quy trình sản xuất (viên nén, viên bao/ viên nang/ thuốc bột/ thuốc nước) → Đóng gói → Nhập kho thành phẩm.

Trong đó, quy trình sản xuất cụ thể đối với từng loại sản phẩm như sau:

- Quy trình sản xuất viên nén, viên bao: Nguyên liệu → Rây → Trộn khô → Trộn ướt → Xát hạt ướt → Sấy → Sửa hạt khô → Trộn → Dập viên → Bao viên → Đóng gói cấp 1 → Đóng gói cấp 2 → Nhập kho.

- Quy trình sản xuất viên nang cứng: Nguyên liệu → Rây → Trộn khô → Trộn ướt → Xát hạt ướt → Sấy → Sửa hạt khô → Trộn → Vô viên nang → Đóng gói cấp 1 → Đóng gói cấp 2 → Nhập kho.

- Quy trình sản xuất thuốc bột: Nguyên liệu → Rây → Trộn → Đóng gói cấp 1 → Đóng gói cấp 2 → Nhập kho.

- Quy trình sản xuất thuốc nước: Nguyên liệu → Rây → Khuấy, Trộn → Đóng gói cấp 1 → Đóng gói cấp 2 → Nhập kho.

3. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường.

3.1. Đối với hệ thống thu gom tuyến thoát nước mưa.

Có tách riêng Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải.

Công ty có xây dựng các tuyến mương (bằng bê tông) được bố trí xung quanh khuôn viên Công ty, nước mưa được thu gom chảy vào 02 tuyến: 01 tuyến chạy dọc Công ty ra đến cổng Bảo vệ thoát ra ngoài môi trường trên đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai; 01 tuyến được thoát ra tại hố ga (bằng bê tông) có vị trí ngay cạnh bờ tường của Công ty và đây cũng là hố ga cuối cùng của hệ thống xả nước thải trước khi thải ra cống thoát nước của khu dân cư tại khu vực trên đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa.

Thời điểm kiểm tra, ghi nhận tại vị trí các tuyến thoát nước mưa không phát sinh nước mưa hoặc nước thải.

3.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải.

a) Hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước thải phát sinh từ 03 nguồn:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh cho 104 nhân viên.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị sản xuất, súc rửa bao bì đựng nguyên liệu, theo ghi nhận lượng nước thải phát sinh theo tần suất 02 lần trong ca sản xuất (08 giờ/ca).

- Nước thải phát sinh từ việc súc rửa dụng cụ, pha chế hoá chất từ Phòng Kiểm nghiệm phân tích chất lượng, lượng thải này không đáng kể, chỉ phát sinh theo đợt (hoặc theo lô) khi kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm.

Theo hồ sơ báo cáo, nước thải phát sinh khoảng 15m^3/ngày.đêm, được thu gom bằng hệ thống mương (bê tông) và dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý được thải vào hố ga (bê tông) ngay khu xử lý nước thải và theo hệ thống thoát nước thải được bố trí chạy dọc theo bờ tường khu vực của Xưởng Cơ điện và điểm thải cuối cùng ra ngoài là tại hố ga có vị trí ngay cạnh bờ tường Công ty. Tuy nhiên, việc xây dựng tuyến thoát nước thải bằng hệ thống mương bê tông dạng có nắp đậy sẽ không đảm bảo việc nước mưa chảy tràn vào hệ thống này.

b) Hệ thống xử lý nước thải:

Năm 2004, Công ty xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m^3/ngày (24 giờ), được hoàn công tại Bản vẽ hoàn công số WTS-06 về sơ đồ công nghệ xử lý nước thải ký ngày 10/7/2004. Quy trình hệ thống xử lý nước

thải năm 2004 như sau: Nước thải sinh hoạt đã qua hệ thống xử lý cục bộ (bể tự hoại tại các cống thu nước), nước thải sản xuất → Hố thu → Bể tách mỡ → Bể phản ứng → Ozone → Bể ổn định → Bế lắng 1 → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể phản ứng → Bể ủ bùn → Bể khử trùng → Cống thải ra khu vực.

Theo thời gian, do sự xuống cấp của hệ thống xử lý nước thải, vào tháng 10/2024, Công ty có đầu tư xây dựng, cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m^3/ngày (24 giờ). Hiện, hệ thống đang trong quá trình vận hành thử nghiệm, chưa được nghiệm thu hoàn công. Quy trình của hệ thống xử lý nước thải như sau: Nước thải phát sinh → Hố thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý (Bùn thải được đưa về bể chứa bùn và chuyển giao đơn vị chức năng năng thu gom, xử lý) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học (Bùn thải được đưa về bể chứa bùn và chuyển giao đơn vị chức năng năng thu gom, xử lý) → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

Công ty có sử dụng các loại hoá chất để xử lý nước thải, gồm: Mật đường 10 lít; NaOH 05 kg, KAl $(SO_4)_2$ 01 kg; Ca $(OCl)_2$ 01 lít, tần suất sử dụng 01 tuần/lần.

3.3. Hệ thống thu gom khí thải:

Công ty có các nguồn phát sinh khí thải:

- Bụi dược phẩm: phát sinh bụi từ hoạt động sản xuất dược phẩm của 26 phòng, chủ yếu là quá trình xát hạt, pha trộn, dập viên …., các bụi này ở dạng bột tinh, nhuyễn. Toàn bộ bụi phát sinh tại các phòng sản xuất đều có trang bị hệ thống hút bụi cục bộ (hệ thống hút bụi này được đồng bộ hoá đi theo thiết bị đạt tiêu chuẩn GMP), các phòng đều được xây dựng khép kín, bố trí riêng biệt, có hệ thống gió cấp, điều hòa và lọc không khí môi trường làm việc. Theo Công ty báo cáo, các phòng sản xuất này đều phải đạt tiêu chuẩn phòng sạch cấp D của Cục quản lý Dược, Bộ Y tế (TRS 1044 annex 2, WHO; tương đương Class 8 theo ISO 14644-1:2015). Qua khảo sát, ghi nhận lượng bụi này phát sinh không nhiều, không phát tán ra ngoài môi trường xung quanh.

- Từ Phòng chứa hoá chất (chủ yếu hơi cồn): phát sinh từ quá trình bảo quản hoá chất chai lọ nhưng nguồn phát sinh này không đáng kể.

- Từ Phòng Kiểm nghiệm: chủ yếu trong quá trình pha chế hoá chất được đưa vào 02 tủ hút khí thải (hơi hoá chất) được dẫn lên ống khói đặt trên tầng sân thượng của Xưởng GMP:

+ Công ty có đầu tư, lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải. Công trình xử lý khí thải với công suất thiết kế 1.000 m^3/h. Phương pháp xử lý khí thải là sử dụng dung dịch xút (dung dịch NaOH) để hấp thụ khí thải trước khi thải ra môi trường.

+ Quy trình xử lý như sau: Khí thải (hơi dung môi hữu cơ) → Tủ hút → Đường ống dẫn → Thiết bị xử lý khí thải bằng dung dịch NaOH (5%)→ Quạt hút → Ống thoát khí thải ra ngoài môi trường. Chiều cao ống thải là 4,5m tính từ sàn bê tông của toà nhà, đường kính 168mm. Chiều cao tính từ mặt đất của nhà xưởng thì ống thải cao khoảng 20m.

+ Theo nhật ký vận hành công trình xử lý khí thải ghi nhận: khối lượng NaOH (5%) sử dụng 0,5kg/tháng pha cùng với nước để bổ sung, tần xuất bổ sung là 01 lần/tháng, dung dịch này được tuần hoàn trong quy trình xử lý khí thải. Thời gian vệ sinh và thay dung dịch này là 01năm thực hiện 01 lần, lượng dung dịch này phát sinh là 30 lít.

Công trình xử lý khí thải có trang bị, lắp đặt sàn thao tác, đảm bảo điều kiện cho hoạt động quan trắc, thu mẫu.

3.4. Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh:

a. Chất thải nguy hại (CTNH):

Công ty có bố trí khu vực kho lưu giữ CTNH tạm thời, diện tích khoảng 20 m^2, có mái che và tường bao, nền được chống thấm bằng bê tông; có gờ chống tràn đổ; có lắp đặt dấu hiệu cảnh báo và dán mã chất thải nguy hại; thực hiện phân loại chất thải nguy hại.

Khối lượng CTNH phát sinh năm 2023 được Công ty chuyển giao Công ty TNHH TMDV XLMT Việt Khải theo Hợp đồng số 0103-2023/DĐN-VK/HĐXL ngày 14/3/2023 để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH với khối luợng khoảng 3.067 kg gồm 06 mã CTNH, 03 chứng từ chuyển giao CTNH.

Theo hồ sơ báo cáo, bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 500 kg, Công ty có chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường thoát nước Hoàng Cường thu gom và xử lý. Tuy nhiên, chưa cung cấp được hồ sơ năng lực đối với việc thu gom, xử lý chất thải phải kiểm soát này khi chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường thoát nước Hoàng Cường theo quy định.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Khu vực kho lưu giữ CTRCNTT có diện tích khoảng 20m^2, có mái che, không phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với loại chất thải tái chế và loại chất thải phải xử lý.

Nhóm CTRCNTT tái chế, tái sử dụng: năm 2023, được Công ty chuyển giao với khối lượng 370 kg cho 02 đợt chuyển giao (đính kèm Biên bản bàn giao số 01/2023.CTRCNTT ngày 12/6/2023 và Biên bản bàn giao số 02/2023.CTRCNTT ngày 29/12/2023) cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hồng Phước ngày 08/01/2023 theo hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường. Tuy nhiên, Công ty chưa cung cấp được hồ sơ năng lực đơn vị thu gom, xử lý CTRCNTT theo quy định.

Nhóm chất thải công nghiệp thông thường phải xử lý: theo Công ty báo cáo, năm 2023 không phát sinh loại chất thải nào của Nhóm chất thải công nghiệp thông thường phải xử.

c. Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

Công ty không có khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt tập trung, bố trí các thùng rác dọc các tuyến đường nội bộ công ty, được đơn vị có chức năng thu gom hàng ngày, tuy nhiên chưa phân loại chất thải tại nguồn theo quy định.

Khối lượng phát sinh được Công ty thu gom hàng ngày với khối lượng khoảng khoảng 160 kg/ngày chứa từ 3-4 thùng rác có dung tích 120 lít cho 80 nhân viên theo Hợp đồng số 1283/2023/HĐ.RSH ngày 31/3/2023 với Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo chất thải rắn sinh hoạt.

3.5. Công tác báo cáo môi trường định kỳ:

Công ty có thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo tần suất, vị trí theo yêu cầu của các thủ tục môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Năm 2023, Công ty có nộp hồ sơ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm cho Phòng Môi trường ngày 15/01/2024, thời hạn nộp hồ sơ là đúng theo quy định.

3.6. Thu mẫu môi trường.

Đoàn Thanh tra đã phối hợp Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thu 02 mẫu nước sau hệ thống xử lý và 01 mẫu khí thải từ tủ hóa chất sau hệ thống xử lý vào các ngày 20/12/2024, ngày 25/12/2024 theo các Biên bản thu mẫu hiện trường (kèm theo), kết quả phân tích cho thấy:

- Đối với 02 mẫu nước tại hố ga số 1 sau hệ thống xử lý và hố ga cuối cùng của Công ty, kết quả phân tích cho thấy các thông số mẫu đạt giới hạn cho phép theo theo QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $k_q = 1,2$, $k_f = 1,2$ (đính kèm phiếu kết quả phân tích).

- Đối với 01 mẫu khí thải từ tủ hóa chất sau hệ thống xử lý, kết quả phân tích cho thấy các thông số mẫu đạt giới hạn cho phép theo QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B, $k_v = 0,6$, $k_p = 1,0$ và QCVN 20: 2009/BTNMT (đính kèm phiếu kết quả phân tích).

3.7. Về phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải:

Công ty có xây dựng Kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố môi trường được ký áp dụng ban hành có hiệu lực năm 2022 và đã được Ban Giám đốc phê duyệt và thực hành phương án xử lý sự cố hằng năm.

3.8. Các nội dung khác:

- Ngày 05/3/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 1816/STNMT-MT gửi Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai đánh giá kết quả kiểm tra, xác minh nội dung phản ánh liên quan đến sản xuất gây tiếng ồn phát sinh từ hoạt động Chiller (máy làm lạnh) của hệ thống cấp khí sạch, máy nén khí.

- Ngày 10/9/2024, Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai có Văn bản số 2981/TB.CTCPD về việc thông báo việc cải tạo hệ thống xử lý nước thải.

- Ngày 26/12/2024, Đoàn Thanh tra có Công văn số 836/TT gửi Phòng Môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin về việc cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu và xác nhận bằng văn bản liên quan đến bộ thủ tục theo Quyết định số 81/QĐ-KHCNMT ngày 14/6/2002 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Ngày 09/01/2025, Trung tâm công nghệ Thông tin có Văn bản phản hồi số 25/TTCNTT-HCTH phản hồi: "*không lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến bộ thủ tục theo Quyết định số 81/QĐ-KHCNMT ngày 14/6/2002 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai của Công ty*".

- Ngày 06/01/2025, Đoàn Thanh tra có Công văn số 07/TT gửi Sở Khoa học và Công nghệ về việc hỗ trợ cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến bộ thủ tục theo Quyết định số 81/QĐ-KHCNMT ngày 14/6/2002 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 16/01/2025, Đoàn Thanh tra có Công văn số 07/TT gửi Uỷ ban nhân dân thành phố Biên Hoà về việc hỗ trợ cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện xây dựng Đề án đề xuất lộ trình di dời các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất vào khu, cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện; trong đó, Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai có thuộc trường hợp là đối tượng phải di dời theo Kế hoạch 172/KH-UBND ngày 15/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, đến thời điểm ban hành kết luận thanh tra, Uỷ ban nhân dân thành phố Biên Hoà không có ý kiến phản hồi.

4. Về lĩnh vực tài nguyên nước:

Công ty sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai, theo hợp đồng cung cấp sử dụng nước số 1873/HĐ-CCN ngày 28/12/2012.

Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai cấp nước cho Công ty qua 02 đường ống dẫn (mỗi đường ống đều gắn đồng hồ đo lưu lượng, được đặt ở gần cổng bảo vệ Công ty). Nước sạch được dẫn về tháp nước đặt trong khuôn viên Công ty có dung tích khoảng 5m^3/ngày, phục vụ cho mục đích sinh hoạt và sản xuất; có một phần lượng nước được dẫn trực tiếp về xưởng cơ điện và tưới cây (không qua tháp nước). Trong năm 2023, lưu lượng nước sử dụng là 5.663 m^3, trong đó thời điểm sử dụng cao nhất khoảng 791 m^3/tháng, thời điểm sử dụng thấp nhất là 438 m^3/tháng, lượng nước trung bình khoảng 472 m^3/tháng (tương đương 16 m^3/ngày). Năm 2024 (tính cho 08 tháng đầu năm), lưu lượng nước sử dụng là 4.049 m^3, trong đó thời điểm sử dụng cao nhất khoảng 587 m^3/tháng, thời điểm

sử dụng thấp nhất là 397 m^3/tháng, lượng nước trung bình khoảng 506 m^3/tháng (tương đương 17 m^3/ngày).

Công ty có sử dụng hệ thống xử lý nước R.O làm sạch nước để đưa vào sản phẩm dạng lỏng. Theo Công ty báo cáo, khối lượng nước sử dụng trong năm 2023 là khoảng 220 m^3/năm, trung bình khoảng 0,5 - 1m^3 nước/ngày.

C. KẾT LUẬN.

Trên cơ sở kết quả thanh tra tại Công ty, Đoàn Thanh tra đã ký biên bản làm việc ngày 10/01/2025 về việc kiểm tra, xác minh việc thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường, Tài nguyên nước tại Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai; nội dung thanh tra đã được thành viên Đoàn Thanh tra thống nhất tại Biên bản làm việc ngày 06/2/2025, cụ thể như sau:

I. Kết quả đạt được:

1. Về lĩnh vực Bảo vệ môi trường:

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty có tuân thủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; có chấp hành các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường; có đầu tư xây dựng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cơ bản đầy đủ; có đầu tư hệ thống quan trắc xử lý nước thải và khí thải; có tách riêng tuyến thoát nước mưa, nước thải; có bố trí khu vực quản lý chất thải đầy đủ, phân loại khu vực chất thải; công tác báo cáo định kỳ hàng năm thực hiện theo quy định; có đầu tư các hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường.

2. **Về lĩnh vực tài nguyên nước:** Công ty chấp hành các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023; trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai.

II. Các nội dung hạn chế, tồn tại.

(1) Công ty đã hoạt động sản xuất trong một thời gian dài không có đầy đủ bộ hồ sơ theo Quyết định số 81/QĐ-KHCNMT ngày 14/6/2002 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp nhưng không báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, cấp lại.

(2) Thay đổi nội dung so với Quyết định số 700/QĐ-KHCNMT ngày 31/12/1997 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 845/TNMT-CCBVMT ngày 23/4/2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá hiệu quả kết quả kiểm tra chất lượng khí thải và nước thải công nghiệp. Cụ thể: tháng 10 năm 2024, Công ty có đầu tư xây dựng, cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

(3) Công ty đi vào hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành, có phát sinh nước thải trong trường hợp phải xin phép theo quy định nhưng Công ty không cung cấp được hồ sơ cấp phép xả thải (nay là giấy phép môi trường thành phần theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020), đến

thời điểm hiện tại Công ty vẫn không có giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

(4) Có phát sinh khối lượng bùn thải là 500 kg (phát sinh trong quá trình cải tạo hệ thống xử lý nước thải) đã chuyển giao cho đơn vị thu gom và xử lý nhưng chưa chứng minh được việc chuyển giao khối lượng chất thải này cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp để xử lý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

(5) Chưa thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

(6) Chưa cung cấp được hồ sơ năng lực đơn vị thu gom, xử lý CTRCNTT theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

D. KIẾN NGHỊ.

I. Yêu cầu Công ty:

Có trách nhiệm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương để được xem xét, thẩm định cấp giấy phép môi trường theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

Tiếp tục thực hiện các yêu cầu tại quyết định phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định về lĩnh vực bảo vệ môi trường theo pháp luật quy định hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan; trong đó lưu ý:

(1) Khẩn trương liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo quy định.

(2) Thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, đấu nối nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải.

(3) Phân loại, thu gom và xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường trong quá trình hoạt động sản xuất đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

(4) Thu gom và xử lý chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

(5) Xây dựng kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường thường xuyên để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; hệ thống xử lý chất thải theo quy định.

(6) Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, đột xuất cho các cơ quan quản lý nhà nước cấp có thẩm quyền, địa phương để được theo dõi, giám sát.

Khắc phục ngay các tồn tại, hạn chế về công tác bảo vệ môi trường đã nêu trên tại mục II, phần C Kết luận.

Kết quả báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quý II/2025.

II. Giao Đoàn thanh tra:

- Yêu cầu Công ty thực hiện khắc phục các tồn tại, hạn chế về công tác bảo vệ môi trường đã nêu trên tại mục II của phần C Kết luận.

- Phối hợp với Thanh tra Sở xem xét, xử lý những tồn tại, hạn chế, vi phạm (nội dung nêu tại mục II, phần C Kết luận), đề xuất người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty theo quy định.

- Thực hiện việc công bố, công khai kết luận thanh tra; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định.

- Báo cáo Lãnh đạo Sở chỉ đạo phòng, đơn vị chuyên môn căn cứ chức năng nhiệm vụ báo cáo việc rà soát lộ trình di dời các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Kế hoạch 172/KH-UBND ngày 15/5/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Giao Đoàn Thanh tra theo dõi kết quả thực hiện việc thực hiện các nội dung được nêu trong kết luận thanh tra; tổ chức công bố và triển khai thực hiện kết luận thanh tra, kết quả thực hiện báo cáo Chánh Thanh tra./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Dược Đồng Nai (để thực hiện);
- Giám đốc Sở (kính báo cáo);
- PGĐ. Trần Trọng Toàn (kính báo cáo);
- UBND thành phố Biên Hoà;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường tp Biên Hòa;
- Phòng Môi trường; Phòng Thuỷ lợi; Phòng Quy hoạch - Khoáng sản (phối hợp);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (đăng lên cổng thông tin điện tử của Sở);
-Lưu: Đoàn TT (Viên 08b).

CHÁNH THANH TRA

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THANH TRA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Nho Nguyên